

Số: 15 /2015/TTLT-BGTVT-BQP-BCA-BNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

| | |
|------------|--------------------|
| ĐẾN | Số: ... 4164 |
| | Ngày: 27.7.15.. |
| | Chuyên: |
| | Ưu hồ sơ số: |

Căn cứ Nghị định số 95/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về cấp phép và phối hợp hoạt động với lực lượng tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nghị định số 95/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư liên tịch quy định về cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về thủ tục cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài (sau đây gọi chung là lực lượng, phương tiện nước ngoài) vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam hoặc trong vùng tìm kiếm, cứu nạn do Việt Nam đảm nhiệm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam hoặc trong vùng tìm kiếm, cứu nạn do Việt Nam đảm nhiệm.

2. Lực lượng, phương tiện nước ngoài được cấp phép theo Thông tư liên tịch này không bao gồm lực lượng, phương tiện được quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2010/NĐ-CP.

Chương II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP PHÉP

Điều 3. Đề nghị, tiếp nhận thông tin, báo cáo về đề nghị đưa lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

1. Khi xảy ra tình huống khẩn cấp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2010/NĐ-CP, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có báo cáo đề xuất ngay với Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn về việc đề nghị lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn hoặc báo cáo về đề nghị của quốc gia, tổ chức quốc tế đề nghị đưa lực lượng, phương tiện vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam để Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tới Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan phối hợp thực hiện.

2. Bộ Ngoại giao thông báo với quốc gia, tổ chức quốc tế về đề nghị của Việt Nam cho quốc gia, tổ chức quốc tế vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam; thông báo việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của quốc gia, tổ chức quốc tế vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

3. Nội dung báo cáo đề xuất gửi Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn

a) Tình huống khẩn cấp: Thảm họa do thiên tai, sự cố xảy ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vùng tìm kiếm, cứu nạn do Việt Nam đảm nhiệm;

b) Đối tượng cần tìm kiếm, cứu nạn (người, phương tiện);

c) Tên quốc gia, tổ chức quốc tế;

d) Dự kiến loại phương tiện, số lượng phương tiện và lực lượng đi kèm theo phương tiện có thể tham gia tìm kiếm, cứu nạn;

đ) Phạm vi về không gian, thời gian hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

4. Hình thức báo cáo đề xuất gửi Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn

a) Bằng văn bản hoặc fax, thư điện tử;

b) Điện thoại: Trong trường hợp khẩn cấp, thủ trưởng cơ quan đề nghị của Việt Nam có thể trao đổi ý kiến bằng điện thoại với lãnh đạo Văn phòng Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn về việc phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện vào Việt Nam để thực hiện công tác tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam và sau đó phải hoàn thiện báo cáo bằng văn bản.

Điều 4. Tiếp nhận hồ sơ

1. Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) là cơ quan đầu mối gửi các đề nghị chính thức của Việt Nam và tiếp nhận đề nghị của các quốc gia, tổ chức quốc tế vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Thông tư này trực tiếp nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép của quốc gia, tổ chức quốc tế gửi đến, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm gửi 01 bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép gửi xin ý kiến Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao).

3. Các quốc gia, tổ chức quốc tế được Chính phủ hoặc tổ chức có trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của Việt Nam đề nghị hoặc có đề nghị vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam gửi 01 bộ bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép (trực tiếp hoặc qua bưu điện, qua fax, thư điện tử) tới Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) hoặc thông qua Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để chuyển tới Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao).

4. Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép và chuyển đầy đủ hồ sơ này cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép kèm theo ý kiến của Bộ Ngoại giao về mặt đối ngoại.

5. Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) có trách nhiệm thông báo cho quốc gia, tổ chức quốc tế (trực tiếp hoặc qua fax, thư điện tử) hoặc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao các thủ tục và hồ sơ cần thiết về việc cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm phương tiện vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

6. Các loại giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp phép quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư liên tịch này phải được lập bằng tiếng Anh. Trong trường hợp các giấy tờ nêu trên không được lập bằng tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Anh và được miễn thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp phép

Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ, cụ thể:

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép cho tàu biển hoặc phương tiện thủy nội địa hoặc phương tiện giao thông đường sắt hoặc phương tiện giao thông đường

bộ hoặc các tàu, thuyền quân sự và các lực lượng đi kèm theo phương tiện, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thực hiện theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Giấy đăng ký phương tiện (không áp dụng đối với phương tiện giao thông đường sắt);

c) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ có giá trị tương đương còn thời hạn hiệu lực;

d) Người điều khiển phương tiện: Yêu cầu cung cấp giấy phép điều khiển phương tiện tương ứng với loại phương tiện do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương còn thời hạn hiệu lực;

đ) Danh sách lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải có thông tin về: Họ tên; quốc tịch; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn hiệu lực;

e) Vật tư, thiết bị đi kèm theo phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn, bao gồm:

- Danh mục vật tư (nếu có);

- Danh mục chủng loại, số lượng trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn;

g) Trường hợp các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này không được lập bằng tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Anh. Bản chính của các giấy tờ này phải được xuất trình khi làm thủ tục nhập cảnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép cho tàu bay quân sự, tàu bay không người lái, các lực lượng đi kèm theo phương tiện, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thực hiện theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Danh sách lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải có thông tin về: Họ tên; quốc tịch; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực;

c) Vật tư, thiết bị đi kèm theo phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn, bao gồm:

- Danh mục vật tư (nếu có);

- Danh mục chủng loại, số lượng trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn;

d) Trường hợp các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này không được lập bằng tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Anh. Bản chính của các giấy tờ này phải được xuất trình khi làm thủ tục nhập cảnh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép cho tàu bay dân dụng và các lực lượng đi kèm theo phương tiện, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thực hiện theo Mẫu số 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Danh sách lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn phải có thông tin về: Họ tên; quốc tịch; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực;

c) Vật tư, thiết bị đi kèm theo phương tiện phục vụ công tác tìm kiếm, cứu nạn, bao gồm:

- Danh mục vật tư (nếu có);

- Danh mục chủng loại, số lượng trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn;

d) Trường hợp các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều này không được lập bằng tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Anh. Bản chính của các giấy tờ này phải được xuất trình khi làm thủ tục nhập cảnh.

Điều 6. Cơ quan cấp phép cho phương tiện và lực lượng đi kèm theo phương tiện

1. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cấp phép cho các cơ quan chuyên ngành giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước (trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), cụ thể như sau:

a) Cục Hàng hải Việt Nam cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện thực hiện công tác tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện đường thủy nội địa thực hiện tìm kiếm, cứu nạn thực hiện theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Cục Đường sắt Việt Nam cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện đường sắt thực hiện tìm kiếm, cứu nạn thực hiện theo Mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

d) Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện đường bộ thực hiện tìm kiếm, cứu nạn thực hiện theo Mẫu số 7 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

đ) Cục Hàng không Việt Nam cấp phép cho chuyến bay, lực lượng đi kèm theo chuyến bay thực hiện hoạt động bay tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ tại Việt Nam thực hiện theo Mẫu số 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Việc cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện tìm kiếm, cứu nạn cất cánh, hạ cánh hoặc bay qua Việt Nam (trừ chuyến bay đã được cấp phép theo

quy định của Thông tư này) thực hiện theo quy định của Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04/6/2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay và Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT ngày 21/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.

Các văn bản được viện dẫn trong Thông tư liên tịch này khi có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Bộ Quốc phòng uỷ quyền cho Cục Tác chiến cấp phép trong các trường hợp sau:

a) Cấp phép cho các tàu, thuyền quân sự và các lực lượng đi kèm theo phương tiện thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam thực hiện theo Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Cấp phép cho tàu bay quân sự, tàu bay không người lái và các lực lượng đi kèm thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam thực hiện theo Mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài vào khu vực cấm, khu vực hạn chế hoạt động trên biển; tàu bay hạ cánh, cất cánh tại sân bay quân sự, bay vào khu vực hạn chế bay, khu vực nguy hiểm thực hiện theo các Mẫu số 4, 5, 6, 7, 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

3. Cơ quan cấp phép có trách nhiệm cung cấp số điện thoại, số fax, địa chỉ liên lạc tại Việt Nam để các bên có liên quan liên hệ khi cần.

Điều 7. Trình tự phối hợp cấp phép, thời hạn của giấy phép

1. Cơ quan cấp phép Bộ Giao thông vận tải

a) Cơ quan cấp phép thuộc Bộ Giao thông vận tải, trong thời gian 24 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định từ Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao), phải kịp thời gửi xin ý kiến Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng), Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an). Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thông báo kịp thời cho quốc gia, tổ chức nước ngoài để hoàn thiện hồ sơ.

b) Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) và Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an), trong thời gian 24 giờ, kể từ khi nhận đủ hồ sơ và văn bản xin ý kiến phải có văn bản trả lời về việc đồng ý hay không đồng ý cấp phép. Trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm xem xét, cho ý kiến về việc cấp phép theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 95/2010/NĐ-CP do cơ

quan được ủy quyền cấp phép xin ý kiến quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch này.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) có trách nhiệm xem xét, có ý kiến về việc cấp phép và triển khai nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 95/2010/NĐ-CP.

c) Ngay sau khi nhận được ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) và Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an), cơ quan có thẩm quyền cấp phép tiến hành cấp phép theo quy định.

2. Cơ quan cấp phép Bộ Quốc phòng

a) Cơ quan cấp phép thuộc Bộ Quốc phòng, trong thời gian 24 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định từ Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phải xem xét, thẩm định đồng thời gửi xin ý kiến Cục Cứu hộ cứu nạn (Bộ Quốc phòng), Cục Hàng không Việt Nam hoặc Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải), Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng (Bộ Quốc phòng), Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) và các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Quốc phòng.

Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thông báo kịp thời cho quốc gia, tổ chức nước ngoài để hoàn thiện hồ sơ.

b) Các cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời trong thời gian 24 giờ, kể từ khi nhận đủ hồ sơ và văn bản xin ý kiến về việc cấp phép. Trong trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

c) Ngay sau khi nhận được ý kiến trả lời của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) tiến hành thẩm định, giải quyết cấp phép theo quy định. Tùy điều kiện, tính chất và lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn, Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) quy định nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị tại giấy phép.

3. Thông báo cấp phép

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khi cấp giấy phép phải gửi tới:

a) Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) 02 bản để thông báo cho quốc gia, tổ chức quốc tế có lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam về quyết định cấp phép; Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) 01 (một) bản và gửi kèm danh sách lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm, kiếm cứu nạn để cấp thị thực nhập cảnh;

b) Trường hợp không đồng ý cấp phép, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do gửi Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) để thông báo cho quốc gia, tổ chức quốc tế và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn, các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan;

c) Hình thức gửi thông báo: Bằng fax hoặc thư điện tử hoặc văn bản.

4. Thời hạn của giấy phép

Căn cứ đề nghị cấp phép, yêu cầu thực tế công tác tìm kiếm, cứu nạn, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định thời hạn của giấy phép nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày cấp.

Điều 8. Gia hạn thời hạn giấy phép

1. Đối tượng được gia hạn: Phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện có thể được gia hạn nếu có một trong những lý do sau đây:

a) Hoạt động tìm kiếm, cứu nạn chưa kết thúc;

b) Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về công tác tìm kiếm, cứu nạn của Việt Nam;

c) Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, tai nạn, hồng hóc phương tiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép Việt Nam xác nhận.

2. Thời gian gia hạn giấy phép tối đa không quá 30 ngày.

Trước khi thời hạn ghi trong giấy phép hết hiệu lực, quốc gia, tổ chức quốc tế phải nộp hồ sơ xin gia hạn tới Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) để xin phép gia hạn thời hạn tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn bao gồm: Văn bản trình bày rõ lý do xin gia hạn, thời gian xin gia hạn kèm theo danh sách phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện và vật tư, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn (nếu có). Trong trường hợp khẩn cấp có thể thông báo trước bằng hình thức fax, thư điện tử và các thiết bị thông tin liên lạc khả dụng khác.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép trong thời gian 24 giờ, kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn từ Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) có trách nhiệm xem xét hồ sơ, đồng thời gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Khi cấp giấy phép gia hạn phải thông báo bằng văn bản tới Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan. Trong trường hợp từ chối gia hạn, cơ quan cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Chấm dứt hiệu lực của giấy phép

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép được quyền chấm dứt hiệu lực giấy phép đã cấp cho các phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn trong một trong các trường hợp sau:

a) Quốc gia, tổ chức quốc tế hoàn thành nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn;

b) Phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định trong giấy phép;

c) Có hành vi vi phạm, ảnh hưởng tới an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội.

2. Mẫu chấm dứt hiệu lực của giấy phép thực hiện theo các Mẫu số 10 và 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

3. Khi chấm dứt hiệu lực giấy phép, cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực giấy phép phải thông báo tới:

a) Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) 02 bản để thông báo cho quốc gia, tổ chức quốc tế có lực lượng, phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam;

b) Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan biết và phối hợp với các cơ quan (Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng – Bộ Quốc phòng) thực hiện thủ tục, xuất cảnh theo quy định để phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài xuất cảnh.

Điều 10. Kết thúc hoạt động tìm kiếm, cứu nạn

1. Sau khi cơ quan có thẩm quyền công bố kết thúc hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hoặc tạm dừng hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, trong khoảng thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phối hợp với các cơ quan có liên quan (Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng - Bộ Quốc phòng) thực hiện thủ tục xuất cảnh theo quy định để phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài xuất cảnh.

2. Trường hợp sau khi kết thúc hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hoặc tạm dừng hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài phải ở lại Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Thông tư này, cơ quan cấp phép có trách nhiệm hướng dẫn quốc gia, tổ chức quốc tế tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh và các thủ tục cần thiết khác (nếu có) theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Điều 11. Bộ Giao thông vận tải

1. Báo cáo Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn về tình huống tai nạn nghiêm trọng thuộc lĩnh vực giao thông vận tải để tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo các cơ quan thuộc Bộ trong việc cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

3. Báo cáo Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn công tác phối hợp hoạt động tìm kiếm, cứu nạn với lực lượng, phương tiện nước ngoài.

4. Các cơ quan thuộc Bộ Giao thông vận tải

a) Thực hiện việc cấp phép theo quy định của Thông tư liên tịch này;

b) Xây dựng và triển khai phương án kết hợp việc sử dụng lực lượng, phương tiện trực thuộc với lực lượng, phương tiện nước ngoài trong quá trình hoạt động tìm kiếm, cứu nạn.

5. Thực hiện việc cấp phép đối với phương tiện giao thông đường sắt

a) Cục Đường sắt Việt Nam:

Khi cấp giấy phép cho phương tiện tìm kiếm, cứu nạn phải thông báo cho Cục Đăng kiểm Việt Nam các hồ sơ kỹ thuật về phương tiện được cấp phép, thời gian, địa điểm phương tiện đường sắt dự kiến đến cửa khẩu để Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện.

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam:

Ngay sau khi nhận được thông báo về việc cấp giấy phép của Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm bố trí nhân lực, trang thiết bị để tiến hành ngay việc kiểm tra xác nhận phương tiện tìm kiếm, cứu nạn đủ điều kiện tham gia giao thông đường sắt trên lãnh thổ Việt Nam.

c) Trung tâm Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn đường sắt Việt Nam:

Ngay sau khi nhận được thông báo về việc cấp giấy phép của Cục Đường sắt Việt Nam, Trung tâm Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn đường sắt Việt Nam có trách nhiệm: Bố trí đầu máy, trưởng tàu và nhân viên tại cửa khẩu nhập phương tiện để tổ chức kéo đoàn phương tiện nước ngoài đến nơi tìm kiếm, cứu nạn thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn (sau khi Cục Đăng kiểm Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục kiểm tra xác nhận phương tiện tìm kiếm, cứu nạn đủ điều kiện tham gia giao thông trên đường sắt Việt Nam) và ngược lại để đoàn phương tiện nước ngoài xuất cảnh khi cơ quan chức năng tuyên bố kết thúc hoạt động tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam; bố trí lực lượng phối hợp với tổ chức quốc tế trong suốt quá trình di chuyển trên đường sắt và trong quá trình tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

Điều 12. Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành bảo đảm an ninh, quốc phòng khi có lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

2. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an trong việc cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam.

3. Chỉ đạo Cục Tác chiến cấp phép cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư liên tịch này.

4. Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng căn cứ giấy phép được cấp, thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh cho phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện nước ngoài theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và các lực lượng có liên quan thực hiện kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có lực lượng tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại khu vực biên giới và trên vùng biển Việt Nam.

Điều 13. Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khi có lực lượng, phương tiện nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo các lực lượng chức năng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định của pháp luật cho lực lượng nước ngoài vào Việt Nam tham gia tìm kiếm, cứu nạn theo phương tiện tìm kiếm, cứu nạn đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.

Điều 14. Bộ Ngoại giao

Chỉ đạo cơ quan chức năng gửi các đề nghị của Việt Nam và tiếp nhận đề nghị của các quốc gia, tổ chức quốc tế vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam; chuyển hồ sơ cấp phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Điều 15. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo các lực lượng, chức năng của địa phương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan làm các thủ tục, kiểm tra, kiểm soát và tham gia phối hợp tìm kiếm, cứu nạn khi có lực lượng, phương tiện tìm kiếm, cứu nạn nước ngoài hoạt động thuộc địa bàn quản lý.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

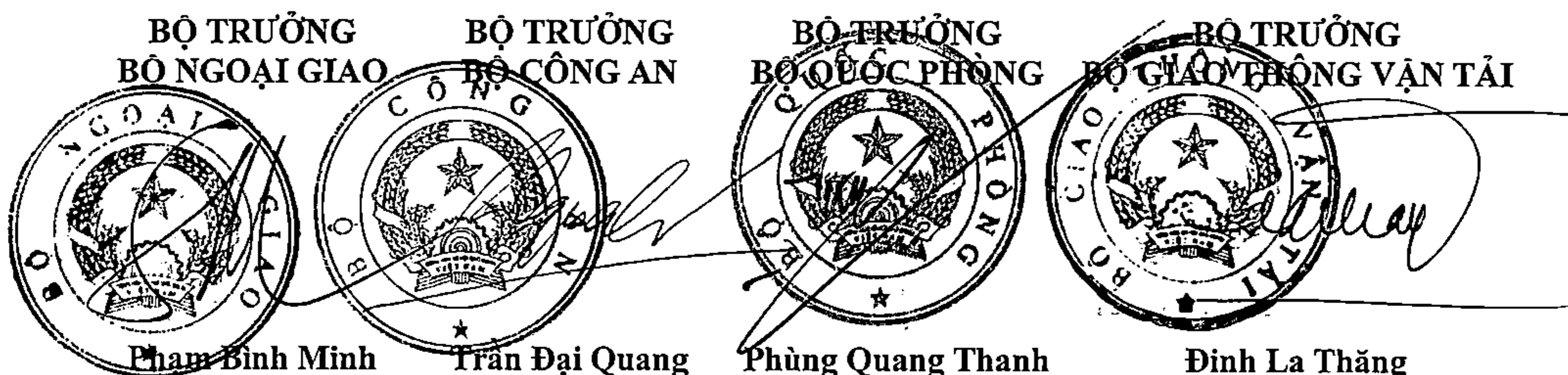
Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao để kịp thời hướng dẫn./.



Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn;
- Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão Trung ương;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các Cục: Hàng hải VN; Hàng không VN; Đường sắt VN; Đăng kiểm VN; Đường thủy nội địa VN (Bộ GTVT);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an;
- Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Quân chủng PK-KQ;
- Cục Tác chiến, Cục Cứu hộ cứu nạn - Bộ Quốc phòng;
- Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam; Tổng công ty Đường sắt VN; Tổng công ty Cảng hàng không VN;
- Trung tâm Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn đường sắt VN;
- Trung tâm Quản lý - Điều hành bay Quốc gia;
- Trung tâm Hiệp đồng điều hành bay-Tổng công ty Quản lý bay VN;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử các Bộ: GTVT; QP; CA; NG;
- Lưu: VT các Bộ: GTVT; QP; CA; NG.

Phụ lục

CÁC MẪU VĂN BẢN CẤP PHÉP CHO PHƯƠNG TIỆN, LỰC LƯỢNG ĐI KÈM PHƯƠNG TIỆN NƯỚC NGOÀI VÀO TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 46 /2015/TTLT-BGTVT-BQP-BCA-BNG ngày 06 / 6 /2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao)

| | |
|----|---|
| 1 | Mẫu số 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam (<i>dùng cho các loại phương tiện, trừ tàu bay quân sự, tàu bay không người lái và tàu bay dân dụng</i>) |
| 2 | Mẫu số 2: Đơn đề nghị cấp giấy phép tàu bay quân sự, tàu bay không người lái tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam |
| 3 | Mẫu số 3: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tàu bay dân dụng tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam |
| 4 | Mẫu số 4: Giấy phép cho tàu thuyền nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn trong vùng biển Việt Nam |
| 5 | Mẫu số 5: Giấy phép cho tàu thuyền nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn trên đường thủy nội địa của Việt Nam |
| 6 | Mẫu số 6: Giấy phép cho phương tiện giao thông đường sắt nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn trên đường sắt Việt Nam |
| 7 | Mẫu số 7: Giấy phép cho phương tiện tham gia giao thông đường bộ nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam |
| 8 | Mẫu số 8: Giấy phép cho lực lượng và tàu bay dân dụng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam |
| 9 | Mẫu số 9: Giấy phép cho tàu bay không người lái, tàu bay quân sự tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam |
| 10 | Mẫu số 10: Mẫu văn bản chấm dứt hiệu lực Giấy phép cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường bộ và các lực lượng đi kèm |
| 11 | Mẫu số 11: Mẫu văn bản chấm dứt hiệu lực Giấy phép cấp cho tàu bay quân sự, tàu bay không người lái, tàu bay dân dụng và các lực lượng đi kèm |

Mẫu số 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHO LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN NƯỚC NGOÀI VÀO TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR LICENSING FOR FOREIGN FORCES AND MEANS OF TRANSPORT TO CONDUCT SEARCH AND RESCUE ACTIVITIES IN VIET NAM

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

Kính gửi: Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao)
To: Consular Department (Ministry of Foreign Affairs)

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị:

Organization, person

- Địa chỉ:.....

Address

- Số điện thoại:.....

Phone number

- Thư điện tử:.....

Email

- Quốc tịch:.....

Nationality

- Hộ chiếu:.....

Passport number

2. Loại phương tiện:

Type of transportation

- Số lượng:.....

Quantity

- Năm sản xuất:.....

Year of production

3. Số đăng ký:.....

Registration number

4. Số người điều khiển phương tiện:

Number of operators

5. Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:

Number of search and rescue personnel

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

6. Trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn:

Search and rescue equipment

7. Vật tư:

Materials

8. Khu vực tìm kiếm cứu nạn:

Search and rescue area limited by the following co-ordinates

A:..... N;E. B:NE.

C:N;E. D:.....N;E.

Hoặc tên địa danh (Phường/xã, Quận, Tỉnh/thành phố, cảng.....)

Or specific locations (Ward/Commune, District, City/Province, Port...):

9. Cửa khẩu vào:..... cửa khẩu ra:.....

Border gate of Entry

Border gate of Exit

10. Thời gian dự kiến:

Expected schedule

- Bắt đầu:

Start

- Kết thúc:

Finish

- Ngày/tháng/năm:

Date/month/year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

Mẫu số 2: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tàu bay quân sự, tàu bay không người lái tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHO TÀU BAY QUÂN SỰ,
TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN
TẠI VIỆT NAM**

**APPLICATION FOR MILITARY AIRCRAFT, UNMANED AIRCRAFT
TO PARTICIPATE IN SEARCH AND RESCUE IN VIET NAM**

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

Kính gửi: - Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao);
- Consular Department (Ministry of Foreign Affairs);

1. Lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign force to participate in search and rescue in Viet Nam

- Số lượng người (danh sách kèm theo).....

Number of personnel (List is attached herewith)

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

2. Tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

- Tên người khai thác tàu bay:

Aircraft operator

- Địa chỉ:

Address

- Điện thoại: Fax: Thư điện tử:

Tel: Fax: Email:.....

- (Các) Loại tàu bay/Aircraft type(s):

- (Các) Số đăng ký/Trọng tải cất cánh tối đa:.....

Registration number/Maximum take-off Weight

- Số lượng thành viên tổ lái:

- Number of crew members

- Người chỉ huy tàu bay:

Pilot in command

3. Chuyến bay vào Việt Nam:

Inbound Flight

Hành trình/Itinerary:

Ngày/Tháng/Năm Số hiệu c/b Sân bay cất cánh/Giờ dự kiến cất cánh Sân bay hạ cánh/Giờ dự kiến hạ cánh

Date/Month/Year Flight No Departure Airport/ETD Arrival Airport/ETA

3.1. Đường hàng không; điểm bay vào, bay ra vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý:

Airway(s)

3.2. Sơ đồ bay (trường hợp bay ngoài đường hàng không):

Flight chart (if flight is operated out of designated airways)

4. Kế hoạch hoạt động bay tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Operation plan of search and rescue flights in Viet Nam

4.1. Khu vực bay tìm kiếm, cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ:.....

Search and rescue area limited by the following co-ordinates

A B C ...

4.2. Thời gian thực hiện hoạt động bay, từ (ngày) đến (ngày), giờ UTC:.....

Period of operation, from (date)... to (date), UTC time

4.3. Các cảng hàng không, sân bay dự kiến sử dụng:

Name of airports and aerodromes are expected to be used

4.5. Sơ đồ bay/Phương thức bay/Loại quy tắc bay:

Flight charts/Flight procedures/Flight rules

5. Tổ chức đề nghị cấp phép/Applicant:

- Địa chỉ:

Address

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

Tel: Fax:Email:.....

- Ngày/tháng/năm:

Date/month/year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

**Mẫu số 3: Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tàu bay dân dụng
tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHO TÀU BAY DÂN DỤNG
THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM**

**APPLICATION FOR CIVIL AIRCRAFT
TO PARTICIPATE IN SEARCH AND RESCUE IN VIET NAM**

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

Kính gửi: - Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao)
- Consular Department (Ministry of Foreign Affairs)

1. Lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign force to participate in search and rescue in Viet Nam

- Số lượng người (danh sách kèm theo).....

Number of personnel (List is attached herewith)

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

2. Tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

- Tên người khai thác tàu bay:

Aircraft operator

- Địa chỉ:

Address

- Điện thoại: Fax: Thư điện tử:

Tel: Fax: Email:.....

- (Các) Loại tàu bay/Aircraft type(s):

- (Các) Số đăng ký/Trọng tải cất cánh tối đa:.....

Registration number/Maximum take-off Weight

- Số lượng thành viên tổ lái:

Number of crew members

- Người chỉ huy tàu bay:

Pilot in command

3. Chuyến bay vào, bay ra khỏi Việt Nam:

Flight into, from Viet Nam

Hành trình/Itinerary:

Ngày/Tháng/Năm Số hiệu c/b Sân bay cất cánh/Giờ dự kiến cất cánh Sân bay hạ cánh/Giờ dự kiến hạ cánh

Date/Month/Year Flight No Departure Airport/ETD

Arrival Airport/ETA

3.1. Đường hàng không:

Airway(s)

3.2. Sơ đồ bay (trường hợp bay ngoài đường hàng không):

Flight chart (if flight is operated out of designated airways)

4. Kế hoạch hoạt động bay tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Operation plan of search and rescue flights in Viet Nam

4.1. Khu vực bay tìm kiếm, cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Area of search and rescue flights is outlined by points with coordinates

A B C ...

4.2. Thời gian thực hiện hoạt động bay, từ (ngày) đến (ngày):

Period of operation, from (date)... to (date)

4.3. Các cảng hàng không, sân bay dự kiến sử dụng:

Name of airports or aerodromes are expected to be used

4.5. Sơ đồ bay/Phương thức bay/Loại quy tắc bay:

Flight charts/Flight procedures/Flight rules

5. Tổ chức đề nghị cấp phép/Applicant:

Địa chỉ:

Address

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

Tel: Fax:Email:.....

- Ngày/tháng/năm:

Date/month/year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

**Mẫu số 4: Giấy phép cho tàu thuyền nước ngoài vào tìm kiếm,
cứu nạn trong vùng biển Việt Nam**

| | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

**GIẤY PHÉP CHO TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI VÀO TÌM KIẾM,
CỨU NẠN TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Permit for foreign ship to participate in search and rescue
in Vietnamese sea

1. Tên tàu:..... Quốc tịch :..... Hô hiệu:.....
Name of ship Flag Call sign

Tổng dung tích:..... GT Tên thuyền trưởng.....
Gross tonnage Name of master

Số thuyền viên:..... Số hành khách..... Hàng hóa:.....
Number of crews Number of passengers Cargo

Trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn:.....
Search and rescue equipment

Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:
Number of search and rescue personnel

Được phép vào tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam từ:..... đến:.....
Permitted to carry out search and rescue in Vietnamese sea from:.....to:.....

2. Vùng hoạt động tìm kiếm, cứu nạn:
Search and rescue regions

Tọa độ 4 điểm giới hạn khu vực tìm kiếm, cứu nạn:
Search and rescue area is limited by 4 points A, B, C, D with following coordinates:

A:..... N;E. B:N.....E.

C:N;E. D:N;E.

Hoặc tên địa danh:.....
Or specific locations

3. Khi hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, tàu này phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
During search and rescue operations, the ship shall strictly follow all Vietnamese laws, regulations and international treaties which Viet Nam is a contracting Party.

4. Cơ quan chủ trì hoạt động tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:
Lead agency of search and rescue of Viet Nam

Phương thức liên lạc

Means of communication:

Telephone: Fax: VHF: HF:

Others:

5. Cơ quan cấp phép:.....

Name of licensing agency

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

Tel:Fax:Email:

6. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....

This permit is valid until day month year.....

Số:...../GPTKCN

No

Ngày..... tháng..... năm.....

Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

**Mẫu số 5: Giấy phép cho tàu thuyền nước ngoài vào tìm kiếm,
cứu nạn trên đường thủy nội địa của Việt Nam**

| | |
|--|---|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên Tên cơ quan cấp giấy phép Name of lead agency Name of licensing agency | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness |
|--|---|

**GIẤY PHÉP CHO TÀU THUYỀN NƯỚC NGOÀI VÀO TÌM KIẾM,
CỨU NẠN TRÊN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CỦA VIỆT NAM**

Permit for foreign ships to search and rescue in Viet Nam

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

1. Cho phép tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Số hiệu tàu:

| | | |
|--------------|--------------------|--------------|
| Name of ship | Flag state of ship | Ship numbers |
|--------------|--------------------|--------------|

Tổng dung tích:..... GT Tên thuyền trưởng.....

| | |
|---------------|----------------|
| Gross tonnage | Name of master |
|---------------|----------------|

Số thuyền viên:..... Số hành khách..... Hàng hóa:.....

| | | |
|-----------------|----------------------|-------|
| Number of crews | Number of passengers | Cargo |
|-----------------|----------------------|-------|

Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:

Number of search and rescue officers

Được phép vào tìm kiếm, cứu nạn trên đường thủy nội địa của Việt Nam từ:... đến:..

Permitted to search and rescue in Viet Nam inland waterway from:..to:.....

2. Vị trí tìm kiếm cứu nạn:

Location search and rescue

Sông, kênh, hồ:..... Lý trình.....

Rivers, canals, lakes of the

Địa danh: xã, phường..... quận, huyện..... tỉnh, thành phố.....

Place: commune, ward district province

3. Khi hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, tàu này phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.
During searching and rescuing, the ship is bound to properly implement provisions of Vietnamese laws, regulations and the international treaties which Viet Nam is a contracting Party.

4. Cơ quan cấp phép:.....
Name of licensing agency

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:
Tel: Fax:Email:

5. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....
This permit is valid until day month year.....

Số:...../GPTKCN
No

Ngày..... tháng..... năm.....
Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL
(ký tên và đóng dấu)
(signed and stamped)

**Mẫu số 6: Giấy phép cho phương tiện giao thông đường sắt nước ngoài
vào tìm kiếm, cứu nạn trên đường sắt Việt Nam**

| | |
|-------------------------------|---|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

**GIẤY PHÉP CHO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT NƯỚC
NGOÀI VÀO TÌM KIẾM, CỨU NẠN TRÊN ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**

Permit for foreign railway vehicles to search and rescue in Viet Nam

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

Cho phép (đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng đường
sắt):.....

Permit (locomotives, wagons, car motivations and specialized rail vehicles)

Số hiệu (Number):.....

1. Cấp cho tổ chức, cá nhân:.....

Permit is issued for Organization/ Individual

2. Địa chỉ: Address:.....

Số điện thoại: Phone number.....Fax:.....

3. Các thông số kỹ thuật chính (The main technical parameters):

3.1 Kích thước ngoài lớn nhất (dài x rộng x cao):

Overall dimensions (length x width x height)

3.2. Khổ đường (railway gauge):

3.3. Tự trọng / tải trọng (Self-weight / payload):

3.4. Công suất (power):

Số nhân viên (Number of employees):

Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:

Number of search and rescue officers

Được phép vào tìm kiếm, cứu nạn trên đường sắt Việt Nam tại... từ:... đến:....

Permitted to search and rescue on the Vietnam Railway at... from ..to.....

4. Các phương tiện này nếu được nhập cảnh vào Việt sẽ được di chuyển đến
nơi thực hiện tìm kiếm, cứu nạn bằng đường sắt trên mạng đường sắt quốc gia bằng
cách ghép nối vào tàu để kéo đi và ngược lại khi xuất cảnh. Khi hoạt động tìm

kiểm, cứu nạn, phương tiện này phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

If permitted to entry into Vietnam by rail, these vehicles will be allowed to move to the place to perform their search and rescue tasks on the national railway network by joining to a wagon to pull away and vice versa. During searching and rescuing, the vehicles are bound to properly implement provisions of Vietnamese laws, regulations and the international treaties, which Viet Nam is a contracting party.

5. Cơ quan cấp phép:.....

Name of licensing agency

Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

Tel: Fax:Email:.....

6. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....

This permit is valid until day month year

7. Các quy định khác (Other provisions):

Số:...../GPTKCN

No

Ngày..... tháng..... năm.....

Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

Mẫu số 7: Giấy phép cho phương tiện tham gia giao thông đường bộ nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

| | |
|---|---|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên Tên cơ quan cấp giấy phép Name of lead agency Name of licensing agency | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness |
|---|---|

GIẤY PHÉP CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NƯỚC NGOÀI VÀO TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM

Permit for foreign road vehicles to search and rescue in Viet Nam

Ngày/Date:

Số tham chiếu/Reference number:

1. Cấp cho tổ chức, cá nhân: Permit is issued for Organization/ Individual
2. Địa chỉ: Addresss.....
3. Số điện thoại: Phone number.....Fax:
4. Phương tiện tham gia giao thông đường bộ vào tìm kiếm, cứu nạn ở Việt Nam như sau:

Permit for road vehicles to search and rescue in Viet Nam as follows:

| TT No | Loại phương tiện Type of vehicle | Biển kiểm soát Number of plate | Năm sản xuất Year of manufacture | Ghi chú Note |
|----------|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|-----------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

5. Cửa khẩu vào:.....Cửa khẩu ra
- Border gate of entry Border gate of exit
6. Phạm vi hoạt động: Area of operation:.....
7. Cơ quan cấp phép:.....

Name of licensing agency

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

- Tel: Fax:Email:

8. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....

This permit is valid until day month year.....

Số:...../GPTKCN

No

Ngày..... tháng..... năm.....

Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

**Mẫu số 8: Giấy phép cho lực lượng và tàu bay dân dụng nước ngoài
tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam**

| | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

**GIẤY PHÉP CHO LỰC LƯỢNG VÀ TÀU BAY DÂN DỤNG NƯỚC NGOÀI
THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM**

Permit for foreign force and civil aircraft to participate
in search and rescue in Viet Nam

Ngày/Date:

Số phép/Permit number:

1. Lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign force to participate in search and rescue in Viet Nam

- Số lượng người (danh sách kèm theo).....

Number of personnel (List is attached herewith)

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

2. Tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign aircraft to participate in search and rescue in Viet Nam

- Tên người khai thác tàu bay:

Aircraft operator

- Địa chỉ bưu điện:

Postal Address

- Điện thoại: Fax: Thư điện tử:

Tel: Fax: Email:

- (Các) Loại tàu bay/Aircraft type(s):

- (Các) Số đăng ký/Trọng tải cất cánh tối đa:.....

Registration number/Maximum take-off weight

- Số lượng thành viên tổ lái:

Number of crew members

- Người chỉ huy tàu bay:

Pilot in command

3. Chuyến bay bay vào, bay ra khỏi Việt Nam:

Flight into, from Viet Nam

Hành trình:

Itinerary

| Ngày/Tháng/Năm Date/Month/Year | Số hiệu c/b Flight No | Sân bay cất cánh/Giờ dự kiến cất cánh Departure Airport/ETD | Sân bay hạ cánh/Giờ dự kiến hạ cánh Arrival Airport/ETA |
|-----------------------------------|--------------------------|--|--|
| ----- | ----- | ----- | ----- |
| ----- | ----- | ----- | ----- |

3.1. Đường hàng không:
Airway(s)

3.2. Sơ đồ bay (trường hợp bay ngoài đường hàng không):
Flight chart (if flight is operated out of airways)

4. Kế hoạch hoạt động bay tìm kiếm cứu nạn tại Việt Nam:
Flight operation plan of search and rescue in Viet Nam

4.1. Khu vực bay tìm kiếm cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ:
Area of search and rescue flights is outlined by points with coordinates

A:..... B/North;Đ/East. B:B/North;Đ/East.

C:.....B/North;.....Đ/East. D:B/North;Đ/East.

Độ cao/mức bay:

Flight Altitude/flight level

4.2. Thời gian thực hiện hoạt động bay, từ (ngày) đến (ngày):
Period of operation, from (date)... to (date)

4.3. Các cảng hàng không, sân bay dự kiến sử dụng:
Name of airports or aerodromes are expected to be used

4.4. Loại quy tắc bay/Phương thức bay/Sơ đồ bay:.....
Flight rules/Flight procedures/Flight charts

5. Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm.....
This permit is valid until day month year

6. Cơ quan cấp phép:.....
Name of licensing agency

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

- Tel: Fax:Email

Ngày..... tháng..... năm.....
Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL
(ký tên và đóng dấu)
(signed and stamped)

**Mẫu số 9: Giấy phép cho tàu bay không người lái, tàu bay quân sự
tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam**

| | |
|--------------------------------------|---|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

**GIẤY PHÉP CHO TÀU BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI, TÀU BAY QUÂN SỰ
THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM**

**Permit for foreign force and military aircraft
to search and rescue in Viet Nam**

Ngày/Date:

Số phép/Permit number:

1. Lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign force to search and rescue in Viet Nam

- Số lượng người (Danh sách kèm theo).....

Number of personnel (List is attached herewith)

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

2. Tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

- Tên người khai thác tàu bay:

Aircraft operator

- Địa chỉ bưu điện:

Postal Address

- Điện thoại: Fax: Thư điện tử:

Tel: Fax: Email:.....

- (Các) Loại tàu bay/Aircraft type(s):

- (Các) Số đăng ký/Trọng tải cất cánh tối đa:.....

Registration number/Maximum take-off weight

- Số lượng thành viên tổ lái:

Number of cockpit crew members

- Người chỉ huy tàu bay:

Pilot in command

3. Chuyến bay vào Việt Nam:

Inbound Flight

Hành trình.....

Itinerary

| Ngày/Tháng/Năm | Số hiệu c/b | Sân bay cất cánh/Giờ dự kiến cất cánh | Sân bay hạ cánh/Giờ dự kiến hạ cánh |
|-----------------|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| Date/Month/Year | Flight No | Departure Airport/ETD | Arrival Airport/ETA |

| | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| _____ | _____ | _____ | _____ |
| _____ | _____ | _____ | _____ |

3.1. Đường hàng không:
Airway(s)

3.2. Sơ đồ bay (trường hợp bay ngoài đường hàng không):
Flight chart (if flight is operated out of airways)

4. Kế hoạch hoạt động bay tìm, kiếm cứu nạn tại Việt Nam:
Operation plan of search and rescue flights in Viet Nam

4.1. Khu vực bay tìm kiếm cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ:.....
Area of search and rescue flights is outlined by points with coordinates

A B C ...

4.2. Thời gian thực hiện hoạt động bay, từ (ngày) đến (ngày):
Period of operation, from (date)... to (date)

4.3. Các cảng hàng không, sân bay dự kiến sử dụng:
Name of airports or aerodromes are expected to be used

4.5. Sơ đồ bay/Phương thức bay/Loại quy tắc bay:
Flight charts/Flight procedures/Flight rules

5. Giấy phép có giá trị đến hết ngày tháng năm.....
This permit is valid until day month year.....

6. Cơ quan cấp phép:.....
Name of licensing agency

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

- Tel: Fax:Email:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)

Mẫu số 10: Mẫu văn bản chấm dứt hiệu lực Giấy phép cấp cho tàu biển, phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường bộ và các lực lượng đi kèm

| | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

Ngày/Date:

Số phép/Permit number:

Kính gửi: Tổ chức cá nhân nước ngoài có phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

To: Organization, personnel with foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA GIẤY PHÉP CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN, LỰC LƯỢNG ĐI KÈM THEO PHƯƠNG TIỆN NƯỚC NGOÀI THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM

Termination of permit for foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép:

Organization, individual

- Địa chỉ:

Address

- Số điện thoại:.....Fax:.....

Phone number

- Địa chỉ thư điện tử:.....

Email address

- Quốc tịch:.....

Nationality

- Hộ chiếu:.....

Passport number

2. Loại phương tiện:

Type of transportation

- Số lượng:.....

Quantity

- Năm sản xuất:.....

Year of production

3. Số đăng ký:
Registration number

4. Số người điều khiển phương tiện:
Number of operators

5. Số nhân viên chuyên trách tìm kiếm, cứu nạn:
Number of search and rescue personnel
- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):
Commander (Full name, nationality, passport number)

6. Trang, thiết bị phục vụ tìm kiếm, cứu nạn:
Search and rescue equipment

7. Vật tư:
Materials

8. Khu vực tìm kiếm, cứu nạn giới hạn bởi các điểm có tọa độ:
Search and rescue area limited by the following co-ordinates
A:..... N;E. B:NE.
C:N;E. D:.....N;E.
Hoặc tên địa danh (Phường/Xã, Quận, Tỉnh/Thành phố, Cảng...).....
Or specific locations (Ward/Commune, District, City/Province., Port.):

9. Cửa khẩu vào:..... cửa khẩu ra:.....
Border gate of Entry Border gate of Exit

10. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép sốngày...tháng.....năm...
Termination of permit No..... date.....month.....year:.....

11. Lý do chấm dứt:
Reason of termination

12. Thời gian chấm dứt từ ngày:
Time of termination from

Ngày..... tháng..... năm.....
Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL
(ký tên và đóng dấu)
(signed and stamped)

Mẫu số 11: Mẫu văn bản chấm dứt hiệu lực Giấy phép cấp cho tàu bay quân sự, tàu bay không người lái, tàu bay dân dụng và các lực lượng đi kèm

| | |
|--------------------------------------|---|
| Tên cơ quan chủ quản cấp trên | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| Tên cơ quan cấp giấy phép | SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Name of lead agency | Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Name of licensing agency | Independence - Freedom - Happiness |

Ngày/Date:

Số phép/Permit number:

Kính gửi: Tổ chức cá nhân nước ngoài có phương tiện, lực lượng đi kèm theo phương tiện tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam

To: Organization, personnel with foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

**CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA GIẤY PHÉP CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN,
LỰC LƯỢNG ĐI KÈM THEO PHƯƠNG TIỆN NƯỚC NGOÀI
THAM GIA TÌM KIẾM, CỨU NẠN TẠI VIỆT NAM**

Termination of permit for foreign means of transport, foreign forces to participate in search and rescue in Viet Nam

1. Lực lượng nước ngoài tham gia tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam:

Foreign force to participate in search and rescue in Viet Nam

- Số lượng người (danh sách kèm theo).....

Number of personnel (List is attached herewith)

- Chỉ huy trưởng (Họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu):

Commander (Full name, nationality, passport number)

2. Tàu bay nước ngoài tham gia tìm kiếm; cứu nạn tại Việt Nam:

- Tên người khai thác tàu bay:

Aircraft Operator

- Địa chỉ:

Address

- Điện thoại: Fax:Thư điện tử:

Tel: Fax:Email:

- (Các) Loại tàu bay/Aircraft type(s):

- (Các) Số đăng ký/Trọng tải cất cánh tối đa:.....

Registration number/Maximum take-off weight

- Số lượng thành viên tổ lái:

Number of crew members

- Người chỉ huy tàu bay:
Pilot in command

3. Chuyến bay bay vào, bay ra khỏi Việt Nam:

Flight into, from Viet Nam

Hành trình:.....

Itinerary:

| Ngày/Tháng/Năm | Số hiệu c/b | Sân bay cất cánh/Giờ dự kiến cất cánh | Sân bay hạ cánh/Giờ dự kiến hạ cánh |
|-----------------|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| Date/Month/Year | Flight No | Departure Airport/ETD | Arrival Airport/ETA |
| ----- | ----- | ----- | ----- |
| ----- | ----- | ----- | ----- |

3.1. Đường hàng không:

Airway(s)

3.2. Sơ đồ bay (trường hợp bay ngoài đường hàng không):

Flight chart (if flight is operated out of airways)

4. Chấm dứt hiệu lực của Giấy phép số:ngày.....tháng.....năm.....

Termination of permit No..... datemonth.....year....

5. Lý do chấm dứt:

Reason of termination

6. Thời gian chấm dứt từ ngày:.....

Time of termination from

Ngày..... tháng..... năm.....

Date Month Year

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
DULY AUTHORISED OFFICIAL

(ký tên và đóng dấu)

(signed and stamped)